



(12) **BẢN MÔ TẢ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN
GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

(19) **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

(11)



2-0003107

(51) **A61K 36/00**
2020.01

(13) **Y**

(21) 2-2022-00086

(22) 29/04/2020

(67) 1-2020-02471

(45) 27/03/2023 420

(43) 27/07/2020 388ASC

(73) Công Ty Cổ Phần Y Dược Tổng Vệ Nhân (VN)
Thôn Nghe, Xã Vân Hòa, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội

(72) Nguyễn Thị Quỳnh Nga (VN).

(74) Công ty cổ phần Tư vấn S&B (S&B CONSULTANT., CORP.)

(54) THUỐC TĂNG CƯỜNG TÁC DỤNG CỦA HỆ MIỄN DỊCH CƠ THỂ LÀM GIẢM
NGUY CƠ MẮC CÁC BỆNH ĐƯỜNG HÔ HẤP CẤP DO VIRUT, VI KHUẨN GÂY RA

(57) Giải pháp hữu ích đề cập đến thuốc tăng cường tác dụng của hệ miễn dịch cơ thể làm giảm nguy cơ mắc các bệnh đường hô hấp cấp do virut, vi khuẩn gây ra, trong đó thuốc này có thành phần dược liệu bao gồm các thành phần được biết đến trong đông y và vitamin hiện có: Đông trùng hạ thảo (*ophiocordyceps sinensis*), Hoàng kỳ (*astragalus propinquus*), Hồng sâm (*radix ginseng rubra*), Bạch truật (*atractylodes macrocephala*), Phòng phong (*ledebouriella seseloides wolff.*), Phục thần (*poria cocos*), Viển chí (*polygala tenuifolia willd*), Mộc hương (*saussurea lappa clarke*), Đương quy (*angelica sinensis*), Kê huyết đằng (*millettia reticulata*) kết hợp với một số chế phẩm vitamin như Nicotinamit, Thiamin nitrat, Pyridoxin hydroclorua.

Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Giải pháp hữu ích đề cập đến lĩnh vực sản xuất thuốc đông y, cụ thể là thuốc tăng cường tác dụng của hệ miễn dịch cơ thể làm giảm nguy cơ mắc các bệnh đường hô hấp cấp do virus, vi khuẩn gây ra.

Tình trạng kỹ thuật của giải pháp hữu ích

Cơ thể con người luôn có những cơ chế để tự bảo vệ mình tránh khỏi các tác nhân gây hại, đó được gọi là hệ miễn dịch. Hệ miễn dịch giúp bảo vệ con người khỏi các tác nhân có hại như vi khuẩn, virus, kí sinh trùng và tế bào ung thư. Khi hệ miễn dịch hoạt động, con người không nhận thấy nó nhưng một khi hệ miễn dịch yếu đi, cơ thể sẽ suy yếu dẫn đến việc dễ bị mắc bệnh hơn, đặc biệt là các bệnh liên quan đến đường hô hấp. Các bệnh liên quan đến viêm đường hô hấp có nguyên nhân từ sự xâm lấn trực tiếp của các virus hoặc vi khuẩn vào niêm mạc của đường hô hấp gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe.

Vì vậy vai trò của hệ miễn dịch trong cơ thể rất quan trọng, mang tính chất quyết định đối với sức khỏe của con người.

Hiện tại, trên thị trường có nhiều loại thuốc đông y giúp tăng cường hệ miễn dịch.

Với bài thuốc Thanh Hài Bổ Phế Thang: chú trọng bảo vệ hầu họng – là cửa ngõ của đường ăn và đường thở, là nơi vi khuẩn, virus và các tác nhân dị ứng dễ tấn công, xâm nhập và gây bệnh. Nói cách khác, vi khuẩn, virus muốn vào cơ thể, gây bệnh đường hô hấp cần phải đi qua hầu họng. Bảo vệ được cánh cửa này sẽ giúp cơ thể tránh được các bệnh đường hô hấp. Cơ chế hoạt động của bài thuốc Thanh Hài Bổ Phế Thang chính là vừa bảo vệ hầu họng bên ngoài vừa bổ phế, bổ tỳ thận, bổ khí huyết từ bên trong. Bài thuốc sử dụng các vị thuốc như xích thực, liên kiều, tang diệp... là những vị thuốc đi đầu trong công dụng tăng cường miễn dịch, nâng cao sức đề kháng. Đồng thời kết hợp các vị kiết cánh, bạc hà, quất hồng bì, sơn trà... có tác dụng thanh phế, lợi hầu, chống ung thũng, phù thũng.

Tiêu xoang linh dược thang: Bài thuốc này chú trọng bảo vệ mũi. Theo Đông y, mũi là khứ của phế. Mũi bị tổn thương dẫn tới phế khí bị suy yếu. Phế hư dẫn tới các vấn đề liên quan tới tạng thận. Thận âm suy nhược là nguyên nhân quan trọng khiến sức đề kháng và khả năng miễn dịch của cơ thể giảm sút. Tiêu xoang linh dược thang kết hợp các vị như Hoàng cầm, Bạc hà, Bạch chỉ... với tác dụng thông khí khai khiếu, sơ phong, tán hàn bảo vệ mũi xoang; cùng các vị Thục địa, Bạch truật, Kim ngân hoa, Hoắc hương, Bồ công anh, Tang diệp thuộc 3 nhóm thảo dược tăng sức đề kháng, nâng cao

miễn dịch đã đề cập.

Ngọc Bình Phong tán: Ngọc bình phong tán là bài thuốc đã có từ lâu đời (từ thế kỷ thứ 14), được đánh giá là vẫn còn giá trị điều trị khá cao ở Trung Quốc vì phạm vi sử dụng rộng: không chỉ phòng trị cúm mà còn trị được nhiều loại bệnh có nguồn gốc gần giống cúm, đó là do sự suy yếu của khả năng miễn dịch, khiến cho người ta dễ bị mắc nhiều loại bệnh truyền nhiễm, lây lan (dịch) như cúm. Theo thực nghiệm chứng minh cho thấy, bài này có tác dụng nâng cao lượng globulin miễn dịch trong máu và tác dụng thực bào của tế bào đơn nhân, đại thực bào, lại có thể thúc đẩy cơ thể sản xuất interferon. Bài này là một bài thuốc tiêu biểu cho những bài thuốc tăng cường chức năng miễn dịch không đặc hiệu

Quy Tỳ Thang có tác dụng Kiện tỳ, dưỡng tâm, ích khí bổ huyết. Do Danh y Nghiêm Dung Hòa (đời Tống, Trung Quốc) lập phương, viết trong sách Tế sinh phương. Bài thuốc đã tồn tại gần 1.000 năm, được nhiều danh y sử dụng và hiện vẫn chứng tỏ giá trị của nó dù xã hội có nhiều thay đổi. Mới đây, các nhà nghiên cứu tại Huế phát hiện tờ châu bản có bài Quy tỳ thang dùng để điều trị bệnh bồi bổ sức khỏe của cho vua Minh Mạng. Quy tỳ thang cải thiện rõ rệt tình trạng suy nhược cơ thể, chưa thấy bất cứ tác dụng không mong muốn nào trên lâm sàng và cận lâm sàng.

Các bài thuốc này đều có hiệu quả điều trị các bệnh riêng biệt nhưng đều đã lâu đời và cần có phương thuốc mới hiệu quả đối với người hiện đại.

Bản chất kỹ thuật của giải pháp hữu ích

Giải pháp hữu ích đề cập đến lĩnh vực sản xuất thuốc đông y, cụ thể là phương thuốc kết hợp hiệu quả của Ngọc Bình Phong tán và Quy Tỳ Thang giúp tăng cường tác dụng của hệ miễn dịch cơ thể làm giảm nguy cơ mắc các bệnh đường hô hấp cấp do virus, vi khuẩn gây ra, trong đó thuốc này có thành phần dưới đây theo tỷ lệ khối lượng:

Thành phần	% khối lượng
Đông trùng hạ thảo (<i>ophiocordyceps sinensis</i>)	12,96
Hoàng kỳ (<i>astragalus propinquus</i>)	35,64
Hồng sâm (<i>radix ginseng rubra</i>)	6,48
Bạch truật (<i>atractylodes macrocephala</i>)	9,72
Phòng phong (<i>ledebouriella seseloides wolff.</i>)	9,72
Phục thần (<i>poria cocos</i>)	3,24
Viễn chí (<i>polygala tenuifolia willd</i>)	3,24
Mộc hương (<i>saussurea lappa clarke</i>)	6,48
Đương quy (<i>angelica sinensis</i>)	4,05
Kê huyết đằng (<i>millettia reticulata</i>)	5,67
Riboflavin	0,65
Nicotinamit	1,62
Thiamin nitrat	0,26

Pyridoxin hydroclorua	0,26
Tổng mg	100

Bài thuốc theo giải pháp hữu ích thúc đẩy sự hoạt động của hệ miễn dịch, giảm nguy cơ mắc các bệnh đường hô hấp cấp tính do virus, vi khuẩn gây ra. Tác dụng này bắt đầu có được ngay sau khi uống, đạt hiệu quả tốt khi uống được 1 đến 2 tháng. Có thể uống nhắc lại 1 đến 2 đợt/năm để duy trì tác dụng của thuốc, hoặc trước khi vào mùa dịch bệnh. Trong bài thuốc có Hoàng kỳ, Đông trùng hạ thảo, hai vị thuốc có tác dụng như van điều hòa hệ miễn dịch, sẽ điều tiết để hệ miễn dịch không hoạt động quá mức. Với người có hệ miễn dịch không suy kém, thì sau 2 đến 4 tuần sử dụng thuốc đã có thể đạt được tác dụng tăng cường hoạt động của hệ miễn dịch.

Giải pháp hữu ích còn có có tác dụng phục hồi hệ miễn dịch đang suy giảm, ngăn ngừa sự tái phát của các bệnh hô hấp mãn tính liên quan suy giảm miễn dịch (viêm xoang, viêm mũi dị ứng, viêm phế quản), làm giảm sự căng thẳng, có tác dụng làm đẹp da, cải thiện sinh lý.

Mô tả chi tiết giải pháp hữu ích

Sau đây, giải pháp hữu ích mô tả chi tiết các phương án thực hiện cụ thể, tuy nhiên, các phương án này chỉ nhằm mục đích mô tả chi tiết giải pháp hữu ích để làm rõ các phương án thực hiện chứ không nhằm mục đích hạn chế phạm vi yêu cầu bảo hộ của giải pháp hữu ích.

Giải pháp hữu ích đề cập đến lĩnh vực sản xuất thuốc đông y, cụ thể là thuốc tăng cường tác dụng của hệ miễn dịch cơ thể làm giảm nguy cơ mắc các bệnh đường hô hấp cấp do virus, vi khuẩn gây ra, trong đó thuốc này có thành phần dưới đây theo tỷ lệ khối lượng:

Thành phần	% khối lượng
Đông trùng hạ thảo (<i>ophiocordyceps sinensis</i>)	12,96
Hoàng kỳ (<i>astragalus propinquus</i>)	35,64
Hồng sâm (<i>radix ginseng rubra</i>)	6,48
Bạch truật (<i>atractylodes macrocephala</i>)	9,72
Phòng phong (<i>ledebouriella seseloides wolff.</i>)	9,72
Phục thần (<i>poria cocos</i>)	3,24
Viễn chí (<i>polygala tenuifolia willd</i>)	3,24
Mộc hương (<i>saussurea lappa clarke</i>)	6,48
Đương quy (<i>angelica sinensis</i>)	4,05
Kê huyết đằng (<i>millettia reticulata</i>)	5,67
Riboflavin	0,65
Nicotinamit	1,62
Thiamin nitrat	0,26

Pyridoxin hydroclorua	0,26
Tổng mg	100

Các thành phần dược liệu bao gồm các thành phần được biết đến trong đông y và vitamin hiện có: Đông trùng hạ thảo, Hoàng kỳ, Hồng sâm, Bạch truật, Phòng phong, Phục thần, Viễn chí, Mộc hương, Đương quy, Kê huyết đằng kết hợp với một số chế phẩm vitamin như Nicotinamit, Thiamin nitrat, Pyridoxin hydroclorua. Người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật có thể thêm bớt các thành phần này tùy theo người sử dụng sao cho phù hợp với thể chất của người dùng.

Đông trùng hạ thảo có vị ngọt, tính ôn, công dụng ích phế thận, bổ tinh tủy, cầm máu, hoá đờm.

Theo y học cổ truyền, đông trùng hạ thảo bổ tinh khí, ích phế khí, bổ tinh tủy, cầm máu, hóa đàm ứng dụng làm thuốc bổ tăng cường sinh lực, phục hồi suy nhược, trị viêm phế quản mãn tính.

Nghiên cứu dược hiện đại gần đây nhận thấy:

- Đông trùng hạ thảo tăng cường miễn dịch, chống suy nhược cơ thể, giảm tần suất mắc các bệnh nhiễm khuẩn, điều hòa đường huyết, giảm cholesterol máu, ức chế sự phát triển của tế bào ung thư
- Từ khoảng năm 1970 trở lại đây, đông trùng hạ thảo đã được nghiên cứu khá rộng rãi. Nhiều hãng dược phẩm lớn từ Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... đều bán các sản phẩm chiết xuất từ đông trùng hạ thảo. Có thể tìm thấy nhiều công trình nghiên cứu về đông trùng hạ thảo được công bố trên các trang web khoa học, y dược học uy tín như Scientific Research Publishing, Internet Chemie, Science Direct.com, Research Gate.net, Nature...
- Tài liệu “Đông trùng Hạ thảo”, trang 25-27, GS. TSKH. Đái Duy Ban (chủ biên) và TS. Lưu Tham Mưu, NXB Y Học-2009) cũng đề cập đến tác dụng điều tiết miễn dịch, chống khối u của đông trùng hạ thảo: Khi sử dụng đông trùng hạ thảo hỗ trợ điều trị bệnh nhân bị thiếu khả năng miễn dịch, như ở bệnh ung thư, viêm gan B và HIV, kết quả cho thấy số lượng và tác động của bạch cầu trong máu tăng. đông trùng hạ thảo cũng có vai trò làm tăng hoạt động của thực bào và tăng cường hệ miễn dịch của ruột, kiểm chế phát sinh khối u, tăng khả năng miễn dịch và tăng thể lực. Ngược lại với bệnh nhân tăng miễn dịch quá cao như bệnh bạch cầu (lymphoma) hoặc các bệnh thấp khớp (rheumatoid arthritis) khi dùng đông trùng hạ thảo cho thấy số lượng và tác động của bạch cầu trong máu giảm, số lượng hồng cầu lại tăng.
- TS. Phạm Văn Nhạ – Giám đốc Trung tâm đấu tranh sinh học thuộc Viện Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, sau một thời gian nghiên cứu và phát triển, ông đã thành công với đông trùng hạ thảo chủng *Cordyceps Militaris* nuôi trồng dưới 2 dạng là đông trùng hạ thảo dạng con kí chủ (là con nhộng/con tằm) và đông trùng

hạ thảo dạng sinh khối, phân tích hóa học cho thấy thành phần trong đông trùng hạ thảo có 17 Amino Axit khác nhau, có D-manitol, lipid và nhiều nguyên tố vi lượng (Al, Si, K, Na...).

- Đặc biệt, trong sinh khối đông trùng hạ thảo có nhiều hoạt chất sinh học có giá trị dược liệu thần kỳ, trong đó phải kể đến axit cordixepic, cordyxepin. Đây là những dược chất có giá trị cao để điều trị ung thư, ức chế sự phân hạch của tế bào ung thư, trì hoãn sự lây lan của nó, tăng cường hấp thụ, điều trị tuyến tụy, hỗ trợ điều trị tiểu đường. Cordyxepin còn giúp tăng cường chức năng điều tiết cho hệ thống miễn dịch, góp phần phòng bệnh tật, tăng sức đề kháng, tăng hiệu quả trị bệnh, kháng lại các yếu tố phóng xạ, chất độc, thanh lọc cơ thể...

- Theo PGS Phùng Hòa Bình – Đại học Y Hà Nội: “Tác dụng của đông trùng hạ thảo là ích thận, bổ tinh điền tủy, được dùng trong các trường hợp hư lao gây ho, bệnh viêm phế quản mãn tính, bệnh hen phế quản. Đối với thận thì có tác dụng bổ thận. Ngoài ra còn có tác dụng chống lão hóa, khi dùng nó người ta coi nó như một vị thuốc cải lão hàng đầu, các hiện tượng lão hóa sẽ giảm đi nếu dùng với thời gian dài. Đông trùng hạ thảo còn có tác dụng giãn mạch máu, khi mạch máu giãn ra thì tuần hoàn máu tăng lên, cung cấp oxy cho các mô tốt hơn để nuôi dưỡng cơ thể vì vậy cơ thể sẽ giảm được một môi”.

Tóm lại đông trùng hạ thảo có các công dụng sau:

- Tăng cường hệ thống miễn dịch cho cơ thể, kháng lại các loại virus như viêm gan B, Lao, AIDS...
- Bảo vệ thận, chống lại sự suy thoái thận, phục hồi tế bào thận.
- Bảo vệ phổi, trị các bệnh về phổi, trừ đờm, hen suyễn, suy hô hấp, các chứng ho lâu ngày. Sợi đông trùng hạ thảo có tác dụng giúp giãn nở các khí quản, tiêu đờm, ngăn ngừa khí phế, thanh lọc chất thải trong phổi và khí quản.
- Bảo vệ tim mạch, giữ ổn định nhịp tim, hạ huyết áp.
- Hỗ trợ điều tiết lượng đường trong máu, kiểm soát bệnh tiểu đường.
- Hỗ trợ điều trị ung thư nhờ Cordyxepin, hỗ trợ cho bệnh nhân điều trị xạ trị.
- Tăng cường chức năng sinh lý, hỗ trợ điều trị vô sinh.
- Phục hồi sức khỏe, tăng cường sự dẻo dai cơ bắp.

Sợi đông trùng hạ thảo phù hợp với tất cả mọi người từ trẻ em đến người già, cả nam lẫn nữ, nhưng đặc biệt có tác dụng tốt đối với những đối tượng sau đây:

- Người đang có sức đề kháng giảm sút, người cảm cúm do thay đổi nóng lạnh, dùng trong 7 ngày sẽ đẩy nhanh thời gian hồi phục của bệnh, nâng cao rõ rệt sức miễn dịch và khả năng đề kháng của cơ thể.

- Người suy thận tổn thương thận: Dùng trong 15 ngày sẽ cải thiện toàn diện các triệu chứng như đầu gối tê mỏi, run rẩy, tăng cường nam tính, tinh lực dồi dào.
- Người bị mất ngủ nghiêm: Dùng trong 1 đến 3 ngày không còn đau đầu dữ dội, từ 3 đến 7 ngày có thể thoát khỏi bệnh mất ngủ, ngủ sâu và đủ giấc.
- Người bị huyết áp cao, huyết áp thấp: Dùng từ 3 đến 5 ngày thì tình trạng huyết áp cao và huyết áp thấp đều được cải thiện. Dùng từ 2 đến 3 tháng có thể khống chế hiệu quả tình trạng mỡ trong máu cao, cao huyết áp.
- Người bị bệnh tiểu đường và các triệu chứng khác 2 đến 4 tháng. Mắt không còn khô, nhức, thị lực rõ ràng, sau 2 đến 4 tháng bệnh tiểu đường chuyển biến tích cực.
- Người bị tiêu hóa kém: Dùng trong 3 đến 5 ngày sẽ có hiệu quả tức thì đối với các chứng bệnh như: Đau dạ dày, trướng bụng, nấc nghẹn.
- Người bị bệnh viêm tuyến tiền liệt: Sử dụng trong 1 đến 2 tháng sẽ chữa khỏi chứng tiểu nhiều về đêm
- Người lớn tuổi sử dụng trong 2 đến 4 tuần sẽ thấy công dụng rõ rệt, cải thiện tình trạng bạc tóc, rụng tóc, tim đập nhanh.

Hoàng kỳ hay sinh hoàng kỳ có vị ngọt, tính hơi ôn, ích nguyên khí, bổ vệ khí, lợi niệu, tiêu viêm.

Nghiên cứu dược hiện đại cho thấy: Hoàng kỳ có tác dụng Tăng cường miễn dịch không đặc hiệu, tăng chức năng tế bào lymphoT, thúc đẩy miễn dịch cải thiện, cải thiện vi tuần hoàn, thúc đẩy sự phát triển và trưởng thành của huyết cầu, cải thiện chức năng thận. Có tác dụng kháng viêm, kháng khuẩn, kháng virus và chống lão hóa.

Thành phần hóa học của hoàng kỳ như sau:

- Theo Sở dược thuộc Viện nghiên cứu y học Bắc kinh: trong Hoàng kỳ có Cholin, Betain, nhiều loại Amino Acid và Saccaroza.
- Theo Lý Thừa Cố (Sinh dược học 1952): trong Hoàng kỳ có Saccaroza, Glucoza, tinh bột, chất nhầy, gôm, hơi có phản ứng Alkaloid
- Trong Hoàng kỳ có Saccaroza, nhiều loại Amino Acid, Protid (6,16- 9,9%), Cholin, Betain, Acid Folic, Vitamin P, Amylaza (Trung Dược Học).
- Trong Hoàng kỳ có 2', 4'-Dihydroxy-5,6-Dimethoxyisoflavan, Cholin, Betain, Kumatakenin, Sucroza, Acid Glucuronic, b-Sitosterol (Chinese Herbal Medicine).
- Soyasaponin I, Calycosin-7-O-b-D-Glucosid, 2'-Hydroxy-3', 4'-Dimethoxyisoflavan-7-O-b-D-Glucosid, 9,10-Dimethoxypterocarpan-3-O-(b-D-Glucosid (Vương Đức Khiêm – Trung Thảo Dược 1989, 20 (5): 198.
- Acid Palmitic, acid Linoleic, acid Linolenic (Lưu Thiên Bồi – Gian Tô y Dược 1978, 2: 32).

- Axit Coriolic (Subarnas Anas và cộng sự Planta Med, 1991, 57 (6): 590.

Tác dụng dược lý:

- Tăng cường chức năng miễn dịch của cơ thể: Hoàng kỳ làm tăng chức năng thực bào của hệ thống tế bào lưới, nếu dùng cùng với Linh chi, Sâm thì tác dụng càng rõ. Người bình thường sau khi cho uống nước sắc Hoàng kỳ thì IgM, IgE và cAMP trong máu tăng lên rõ, SIaA trong nước miếng giảm rõ. Hoàng kỳ và Polysaccharide của nó có khả năng làm cho tương bào của lách súc vật tăng sinh, thúc đẩy sự hình thành kháng thể và nâng cao tính miễn dịch của thể dịch. Hoàng kỳ không những làm tăng cường chức năng miễn dịch mà lại còn có tác dụng điều tiết hai chiều, có thể coi Hoàng kỳ như một vị thuốc điều tiết miễn dịch (Trung Dược Học).

- Thúc đẩy quá trình chuyển hóa trong cơ thể: Làm thí nghiệm mỗi ngày: thụt vào bao tử chuột nhất nước sắc Hoàng kỳ trong 3 tuần, chuột khỏe lên. Hoàng kỳ dùng trong nuôi dưỡng tế bào làm cho tế bào sinh trưởng nhanh, số lượng tế bào hoạt động tăng lên nhiều, tuổi thọ kéo dài. Nghiên cứu thực nghiệm cũng cho thấy thuốc làm tăng cường chuyển hóa sinh lý của tế bào, tác dụng này có thể do thuốc có tác dụng điều chỉnh cAMP và cGMP trong tế bào. Hoàng kỳ có thể thúc đẩy sự chuyển hóa Protid của huyết thanh và gan, đây cũng là 1 mặt quan trọng của tác dụng 'Phù Chính' của thuốc (Trung Dược Học).

- Tác dụng lợi tiểu: Nước sắc và cao lỏng Hoàng kỳ đối với súc vật thực nghiệm (chuột cống, thỏ, chó...) và người thường đều có tác dụng lợi tiểu rõ rệt. Súc vật sau khi uống thuốc, lượng nước tiểu tăng 64% (Trung Hoa Y Học Tạp Chí, 47 (1): 7-11, 1961) nhưng phạm vi Liều dùng có hiệu quả hẹp, liều thấp không có tác dụng, ngược lại, liều quá cao lại làm cho nước tiểu giảm (tác dụng Hạ Áp Và Lợi Niệu Của Hoàng Kỳ, Dược Học Học Báo 12 (5), 319-324, 1965).

- Tăng lực co bóp của của tim bình thường: đối với trạng thái suy tim do mệt mỏi hoặc do nhiễm độc, tác dụng cường tim của thuốc càng rõ. Dịch tiêm Hoàng kỳ có tác dụng 100% làm cho mạch co bóp và làm nhanh nhịp tim cô lập của thỏ (Trung Dược Học).

- Hạ áp: Nước sắc, cao lỏng, cồn Hoàng kỳ tiêm dưới da hoặc tĩnh mạch cho súc vật đã gây mê đều có tác dụng hạ áp nhanh nhưng thời gian ngắn. Tác dụng hạ áp có thể do thuốc làm dẫn mạch ngoại vi (Trung Dược ứng Dụng Lâm Sàng). Thí nghiệm trên chuột bạch và chuột lang còn chứng minh thuốc có tác dụng tăng sức đề kháng của mao mạch, do đó, có thể đề phòng hiện tượng thâm thấu của mao mạch tăng mạnh do Clorofoc, Histamin tạo nên (Trung Dược Học).

- Đối với Thận và niệu đạo: Trên lâm sàng cho thấy Hoàng kỳ dùng cùng với Đảng sâm trị đạm niệu do Thận hư nhiễm mỡ. Nếu dùng liều cao thuốc có tác dụng làm giảm đạm niệu. Có báo cáo cho rằng dùng bột Hoàng kỳ tốt hơn (Trích Luận Văn Hội Nghị Khoa Học Sinh Lý Trung Quốc, trang 135, 1964). Dùng lượng lớn Hoàng kỳ có thể giảm

phù và cải thiện trạng thái dinh dưỡng của cơ thể (Trích Luận Văn Báo Cáo Tại Hội Nghị Khoa Học Sinh Lý Toàn Quốc Trung Quốc Lần Thứ 2, trang 13, 1963).

- Kháng Khuẩn: trong ống nghiệm thuốc có tác dụng kháng khuẩn đối với trực khuẩn lỵ Shigella, liên cầu khuẩn dung huyết, phế cầu, tụ cầu vàng (Trung Quốc Tạp Chí 1947, 67: 648-656,).

- Đối với tử cung: dịch tiêm Hoàng kỳ có tác dụng hưng phấn co bóp tử cung cô lập của chuột cống 100%. Nước sắc Hoàng kỳ có tác dụng ức chế ruột cô lập của thỏ. Polysaccharide Hoàng kỳ có Tác dụng kháng tế bào ung thư. Dịch tiêm Hoàng kỳ trong ống nghiệm có tác dụng làm tăng trưởng xương đùi của phôi thai gà (Trung Dược Ứng Dụng Lâm Sàng).

- Đối với gan: Hoàng kỳ có tác dụng bảo vệ gan, chống giảm sút Glycogen ở gan (Trích Luận Văn Báo Cáo Tại Hội Nghị Học Thuật Của Hội Dược Học Trung Quốc 1963, trang 332-333).

- Một số nghiên cứu ứng dụng lâm sàng của Hoàng kỳ về các bệnh liên quan hệ hô hấp:

- Làm thuốc phòng cảm mạo: Tổ nghiên cứu trị cảm mạo, viêm phế quản đã cho uống mỗi ngày 5 viên Hoàng kỳ (mỗi viên có 1g thuốc sống), ngày 3 lần hoặc cách nhật sắc 15g Hoàng kỳ uống, 10 ngày một liệu trình, nghỉ thuốc 5 ngày, uống liệu trình 2. Đã dùng cho 540 người dễ cảm mạo, số lần người cảm giảm bình quân 2,7 lần và rút ngắn được thời gian mắc bệnh (Trung Y Tạp Chí 1980, 1: 71),

- Phòng bệnh viêm đường hô hấp trên trẻ em: Chiết xuất nước Hoàng kỳ cho vào ống 2ml (tương đương thuốc sống 2g), ngày uống 1 lần. Thẩm Vỹ Bình đã theo dõi 100 ca, kết quả 94% (Giang Tô Trung Y Tạp Chí 1988, 9- 32).

- Trị viêm mũi dị ứng: Bồ Chí Thành dùng dịch tiêm Hoàng kỳ chích vào mũi mỗi bên 2ml, 3 ngày 1 lần, 10 lần là một liệu trình, theo dõi 47 ca có kết quả 93,26% (Nam Kinh Y Học Viện Học Báo 1988, 3: 246).

- Phòng trị ho suyễn: Tổ Hô hấp bệnh viện Nhi khoa thuộc Y học viện số 1 Thượng Hải dùng ống thuốc Hoàng kỳ 2ml (mỗi 1 ml có 1g thuốc sống), chia Thủy châm 2 huyết Túc tam lý, mỗi tuần 2 lần, 3 tháng là một liệu trình, dùng liền 3-4 liệu trình, mỗi liệu trình cách nhau 2 tuần, theo dõi 41 ca, kết quả 85,4%, kết quả tốt 56,1%, bệnh nhân ăn ngon, ngủ tốt, tinh thần tốt, ít bị cảm, một số bệnh nhân tăng trọng, vết chàm ngoài da tiến bộ rõ, hết hoặc giảm mồ hôi trộm (Trung Hoa Nhi Khoa Tạp Chí 1978, 2: 87).

- Trị bệnh gan mạn tính: Hậu Thế Vinh và cộng sự dùng dịch tiêm Sâm Kỳ mỗi lần tiêm bắp 4ml (mỗi ml có 2g thuốc sống) Hoàng kỳ, 1g Đan sâm, ngày 1 lần, mỗi tuần tiêm 6 lần, một liệu trình 3 tháng. Đã trị 112 ca trong đó có 58 ca chỉ dùng thuốc này và phối hợp Vitamin, kết quả trước mắt 83% thuốc có tác dụng tốt hơn đối với viêm

gan kéo dài, tỉ lệ kết quả 89,5% có triệu chứng cải thiện và chức năng gan hồi phục tốt (Trung Thảo Dược 1980, 12: 551).

- Độc tính: Hoàng kỳ có độc tính cấp thấp. Cho chuột nhắt trắng uống liều 100 g/kg, là liều gấp 500 lần cao hơn liều thường dùng cho người không có chuột chết và không thấy có biểu hiện tác dụng phụ có hại.

Hồng sâm có tác dụng bổ nguyên khí, ích huyết, sinh tân.

Theo y học cổ truyền: có tác dụng bổ nguyên khí, ích huyết sinh tân dịch, chữa bệnh thần kinh suy nhược, suy nhược cơ thể, ăn không ngon, ho suyễn, nôn mửa, hồi hộp, sợ hãi

Nghiên cứu dược lý hiện đại, nhân sâm có các tác dụng sau:

- Tác dụng trấn tĩnh hệ thần kinh trung ương, giảm mệt mỏi
- Nâng cao miễn dịch toàn thân, tăng tế bào bạch cầu và phòng bệnh máu trắng do các nguyên nhân khác nhau, giảm mỡ máu, tăng sức đề kháng của cơ thể với các nguyên nhân gây độc.
- Trị liệt dương.
- Nghiên cứu về Công dụng của nhân sâm Hàn Quốc trên thế giới: Nhân sâm Hàn Quốc vốn được xếp vào thứ thức ăn bổ dưỡng, hoàn toàn không phải là thuốc chữa bệnh (và hoàn toàn không mang đến hiệu lực kích thích như thuốc chữa bệnh)
- Từ năm 1969, khoa học đã chứng minh và làm sáng tỏ tác nhân thích nghi của nhân sâm để giúp tăng cường chức năng đề kháng không đặc hiệu của cơ thể.
- Trong hội nghị chuyên đề quốc tế lần thứ 10 về Nhân sâm được tổ chức vào năm 2010, hội nghị này có sự tham gia từ hơn 1500 học giả cùng các nhà nghiên cứu đến từ 15 quốc gia bao gồm cả Châu Mỹ, Châu Á và Châu Âu.
- Trong đó, có tới hơn 300 luận án công nhận về công dụng của nhân sâm Hàn Quốc, điều này đã giúp củng cố sự thật về sâm trong hơn 2000 năm qua.
- Những nghiên cứu này cũng làm sáng tỏ những bí mật về tác dụng của sâm, đồng thời cũng khẳng định được nhân sâm chỉ được xem như một chất bổ, không dùng trong chữa bệnh và cũng được các doanh nghiệp về sâm tại Hàn Quốc không hề quảng cáo thứ thảo dược này là thuốc:
- Những công bố nghiên cứu về Công dụng của nhân sâm Hàn Quốc trên thế giới:

Hiệu lực	Ích lợi cho sức khỏe/ chức năng cơ thể	Nhà nghiên cứu	Quốc gia
Chống bệnh	Những dấu hiệu cho thấy Sâm Hàn Quốc làm hạ số lượng đường trong máu và giúp điều	V. Vulcsan E. Sotaniem	Canada Pháp

tiểu đường	chính những số lượng đường dư thừa trong máu, trong những bệnh nhân bị tiểu đường Loại 2. (Type 2 diabetics).		
Chống chất ung thư	Có những dấu hiệu tích cực cho thấy làm giảm đi hoặc làm chậm lại sự lan tràn của những tế bào ung thư.	T.K Yoon N. Saito	Hàn Quốc Nhật Bản
Điều hoà áp huyết	Có những dấu hiệu tích cực cho thấy sự điều hoà huyết và có thể làm giảm cao áp huyết.	N. Saito H.K Hoon	Nhật Bản Hàn Quốc
Tăng cường chức năng của bao tử	Sau khi mổ, và dùng Sâm Cao Ly, hệ thống miễn dịch đã tiến bộ cho những bệnh nhân ung thư bao tử. Có những dấu hiệu cho thấy sự ngăn ngừa bệnh loét dạ dày.	K.J Bok H. Matsuda	Hàn Quốc Nhật Bản
Bảo vệ gan	Tăng cường chức năng của gan, trong những bệnh nhân với bệnh gan kinh niên. Có thể giúp ngăn ngừa những sự tại hại đến gan cho những người uống rượu quá nhiều.	M. Yamamoto J.C. No	Nhật Bản Hàn Quốc
Giúp thư giãn và thêm sức sống	Có dấu hiệu chống lại mệt mỏi từ những căng thẳng hàng ngày và sự căng thẳng độc hại.	E. Bombardelli D.J. Lee	Ý đại lợi Hàn Quốc
Tăng cường sức lực	Có dấu hiệu tích cực trong việc điều trị cho việc vô sinh, bao gồm sự tiến bộ của chức năng tinh dục trong việc điều trị sự bất lực.	J. Ishigami H.K. Choi	Nhật Bản Hàn Quốc
Chống sự lão hóa	Khám phá ra chất "Malcol", một thành phần của nhân sâm liên quan đến việc làm chậm lại sự lão hoá.	H.B. Hoon S.J. Fulder	Hàn Quốc Anh Quốc

Chức năng làm giảm nhẹ	Có những dấu hiệu cho thấy sự tiến bộ trong việc hồi phục đối với những người đã tiếp xúc với phóng xạ	M. Yonezawa C.F Suk	Nhật Bản Hàn Quốc
------------------------	--	------------------------	----------------------

Hồng sâm Hàn quốc: một vị thuốc được chế biến theo phương pháp y học cổ truyền từ Nhân sâm, từ nhân sâm tươi 6 năm tuổi trải qua từ 3 đến 6 lần hấp sấy tạo thành. Thân củ có màu hồng nhạt hoặc hồng đậm tùy thuộc vào số lần hấp sấy. Củ sâm bị rút bớt nước nhưng thành phần dinh dưỡng vẫn được giữ nguyên, thậm chí một số thành phần Saponin trong hồng sâm còn cao hơn hẳn nhân sâm, và đã được sử dụng từ thời cổ đại châu Á. Thêm vào đó, nhân sâm có tính hàn nên không phải ai cũng dùng được nhân sâm, đặc biệt là trẻ em dưới 13 tuổi, người bị cao huyết áp, người bị xuất huyết dạ dày, ... Hồng sâm qua quá trình hấp sấy đã loại bỏ được tính mạnh mẽ này, hồng sâm có tính ôn và phù hợp cho mọi đối tượng.

Nhiều nghiên cứu khoa học cho thấy Hồng sâm giúp tăng cường sức bền, tăng hiệu quả trong các hoạt động thể thao, tăng hiệu quả làm việc, nâng cao nhận thức, giảm căng thẳng, cải thiện hệ thống miễn dịch... Hồng sâm Hàn quốc có chứa 5% các hợp chất Ginsenoside, hoạt chất chính có hoạt tính chữa bệnh trong Nhân sâm, đây chiết xuất được coi là có hàm lượng cao.

5 nghiên cứu mới nhất về tác dụng của Hồng sâm:

- Tăng sức bền và giảm mệt mỏi: Theo một nghiên cứu, các vận động viên thể thao sử dụng Nhân sâm (dạng Hồng sâm Hàn quốc), họ nhận thấy những cải tiến lớn trong hơi thở khi tập luyện. Một nghiên cứu khác cho thấy, những người dùng Hồng sâm Hàn Quốc trong ít nhất 30 ngày cải thiện thời gian tập thể dục hơn 7 phút. Ngoài việc tăng sức chịu đựng của vận động viên, Nhân sâm ngăn ngừa nhiễm nấm ở chân của vận động viên và làm dịu viêm cơ. Những lợi ích này xuất hiện khi sử dụng ít nhất từ 3 đến 6 tuần.

- Cải thiện nhận thức và tâm trạng: Theo nghiên cứu được thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu dinh dưỡng và dinh dưỡng thần kinh, Với khoảng 30 tình nguyện viên, sử dụng 200 mg hồng sâm trong ít nhất 8 ngày dường như giảm phản ứng của những người tham gia vào bài thử nghiệm tâm thần. Khi liều được tăng lên đến 400 mg, nó làm tăng sự bình tĩnh ở bệnh nhân và cũng giúp cải thiện trạng thái tâm thần khi thời gian sử dụng 8 ngày.

- Mất ngủ: Mất ngủ là một tình trạng mà một người thấy khó ngủ cùng với đó là căng thẳng và mệt mỏi về tinh thần. Hồng sâm hàn quốc cũng được sử dụng để điều trị chứng mất ngủ kéo dài hiệu quả. Nhân sâm giúp cơ thể giảm stress, giảm mệt mỏi, kích thích các tuyến nội tiết trong cơ thể giúp tăng cường chuyển hóa, tăng hấp thu dinh

đường, vitamin và khoáng chất giúp cơ thể khỏe mạnh và có thể dễ dàng vào giấc ngủ tự nhiên.

- Rối loạn cương dương: Rối loạn cương dương có thể do các vấn đề về tâm lý như tổn thương dây thần kinh, tiểu đường hoặc bệnh tim. Thay đổi lối sống sẽ không đủ để chữa trị tận gốc vấn đề, bổ sung Hồng sâm Hàn quốc có thể cải thiện rối loạn cương dương. Một số nghiên cứu nhận thấy rằng nếu Nhân sâm được dùng trong thời gian 8 tuần, với liều lượng 1000 mg hai lần một ngày, nó có thể cải thiện chức năng cương dương, được đánh giá bằng thang điểm đánh giá.

- Đáp ứng miễn dịch: Nghiên cứu với liều sử dụng chiết xuất Hồng sâm 100mg mỗi ngày, có khả năng làm giảm sự xuất hiện của bệnh cúm. Một nghiên cứu gần đây cho thấy nhân sâm làm giảm tỷ lệ mắc bệnh cúm xuống 35,7% mà không có tác dụng phụ nào được ghi nhận trong vòng 12 tuần. Khi chiết xuất nhân sâm được dùng cùng với kháng nguyên, nó dường như làm tăng phản ứng miễn dịch. Nhân sâm được cho là khuếch đại hiệu quả của vắc-xin khi được tiêm cùng.

Đặc biệt Hồng Sâm đối với phụ nữ có nhiều tác dụng rất hiệu quả: tác chống lão hóa, căng da, giảm các vết sạm nám, tăng trưởng, làm đen và mượt tóc, chống béo phì, tăng cường trí nhớ, chống viêm nhiễm phụ khoa, ngăn ngừa ung thư vú, ung thư tử cung, đa nang buồng trứng, tăng cường sức khỏe sinh dục nữ, cải thiện các vấn đề về kinh nguyệt.

Bạch truật có tác dụng kiện tỳ ích vị, táo thấp, bổ vào trung tiêu tăng cường vận hóa cung cấp nguồn khí huyết

Theo Y học cổ truyền: Bạch truật có tác dụng bổ khí, kiện tỳ, táo thấp, lợi thủy, cầm mô hôi và an thai. Chủ trị các chứng Tỳ vị khí hư, chứng thủy thũng, chứng đàm ẩm, chứng khí hư tự hãn và thai động.

Trích dẫn các sách thuốc cổ:

- Sách Bản kinh: "chủ phong hàn thấp tỳ kinh, vàng da, chỉ hãn, trừ nhiệt tiêu thực".

- Sách Danh y biệt lục: "chủ mình mẩy mặt mày sưng to, đau đầu, vàng đầu, chảy nước mắt, tiêu đàm thủy, trục phong thủy kết thũng dưới da, trừ tâm hạ cấp mãn, chứng đầy tức mồm ứ và chứng hoắc loạn thổ hạ không cầm. ích tân dịch, làm ấm vị, tiêu cốc".

- Sách Tân tu bản thảo: "lợi tiểu tiện".

- Sách Y học khôi nguyên (quyển hạ): "trừ thấp, ích táo, hòa trung ích khí ôn trung, trừ thấp tại tỳ vị, trừ vị nhiệt, làm mạnh tỳ vị sinh tân dịch, chủ cơ nhiệt, chỉ khát an thai".

- Sách Bản thảo hội ngôn: "Bạch truật vị đắng mà ngọt vừa táo thấp thực tỳ, vừa làm ấm tỳ sinh tân, tính rất ấm, uống vào thuốc kiện thực tiêu cực tiêu cốc, là vị thuốc số một bổ tỳ khí".

Kết quả nghiên cứu dược lý hiện đại:

- Tác dụng bổ ích cường tráng: Trên thực nghiệm, thuốc có tác dụng làm tăng trọng chuột, tăng sức bơi lội, tăng khả năng thực bào của hệ thống tế bào lưới, tăng cường chức năng miễn dịch tế bào, làm tăng cao IgG trong huyết thanh, có tác dụng tăng bạch cầu và bảo vệ gan. Bạch truật có tác dụng tăng sự tổng hợp protein của ruột non.

- Nước sắc Bạch truật có ảnh hưởng đến ruột cô lập của thỏ như sau. Lúc ruột ở trạng thái hưng phấn thì thuốc có tác dụng ức chế, ngược lại lúc ruột đang ở trạng thái ức chế thì thuốc có tác dụng hưng phấn. Tác dụng điều tiết hai chiều đó của thuốc có liên quan đến hệ thống thần kinh thực vật. Do đó, Bạch truật có thể chữa được táo bón và tiêu chảy.

- Bạch truật có tác dụng chống loét. Nước sắc Bạch truật trên thực nghiệm chứng minh có tác dụng bảo vệ gan, phòng ngừa được sự giảm sút glycogen ở gan.

- Thực nghiệm chứng minh nước sắc và cồn Bạch truật đều có tác dụng chống đông máu, dẫn mạch.

- Tác dụng lợi niệu của Bạch truật rõ và kéo dài có thể do thuốc có tác dụng ức chế tiểu quản thận tái hấp thu nước, tăng bài tiết Natri (Học báo sinh lý 19-1,24:227-237), nhưng các báo cáo kết quả chưa thống nhất.

- Tinh dầu Bạch truật có tác dụng chống ung thư súc vật phát triển (Hợp báo Dược học 1963, 104-199).

- Bạch truật có tác dụng hạ đường huyết.

- Trên súc vật thực nghiệm chứng minh thuốc có tác dụng an thần với liều lượng nhỏ chất tinh dầu.

Ứng dụng lâm sàng:

- Trị tiêu chảy do tỳ hư: Tiêu chảy kéo dài, người mệt mỏi, ăn kém

- Trị tiêu chảy trẻ em, Lý Kinh Thanh dùng bài: Thổ sao Bạch truật, Mạch sao Sơn được mỗi thứ 200g, vỏ cây táo (sao vàng), Sa tiền tử (sao muối) mỗi thứ 150g tán bột mịn, dưới 1 tuổi: 0,5 đến 1g/1lần; 2 đến 3 tuổi: 2 đến 3g; 4 đến 6 tuổi: 3 đến 4g, ngày 2 đến 3 lần, uống trước khi ăn. Trong thời gian uống thuốc không ăn chất sống, lạnh, dầu, mỡ. Chứng lỵ cấp sau khi đã ổn định dùng bài này uống tốt. Đã trị 320 ca tiêu chảy kéo dài, khởi 259 ca, tốt 56 ca, không kết quả 5 ca (Tạp chí Trung y Sơn đông 1982, 2-107).

- Trị chứng ra mồ hôi do khí hư: thuốc có tác dụng cố biểu chỉ hãn

- Phù do Tỳ hư: dùng Ngũ linh tán (Bạch linh, Bạch truật, Trư linh, Trạch tả, Quế chi) hoặc Ngũ bì ẩm gia Bạch truật, Trần bì, Tang bì, Tang bạch bì, Sinh khương bì, Đại phúc bì. Bài này đối với phụ nữ có thai dùng tốt. Trường hợp Tỳ thận hư hàn dùng bài Chân vũ thang (Chế Phụ tử, Bạch linh, Bạch thược, Sinh khương).

- Trị chứng bệnh về gan: Trọng dụng Bạch truật, trị xơ gan cổ trướng dùng bài 30 đến 60g, viêm gan mạn dùng 15 đến 30g, ung thư gan 60 đến 100g, trường hợp tỳ hư thấp dùng Tiêu Bạch truật, âm hư dùng Sinh tân Bạch truật, tùy bệnh gia giảm có kết quả nhất định (Học báo Trung y học viện An huy 1984,2:25).

- Trị trẻ em nước rã nhiều: dùng Sinh Bạch truật 10g, xắt nhỏ, cho vào chén nhỏ nước vừa đủ chung lên, cho ít đường cho đủ ngọt cho uống. Kết quả tốt (Văn tế bang giới thiệu kinh nghiệm chữa nước rã trẻ em, Báo Trung y Giang tô 1966,12:1), Quách Kiêm Hoa, độc vị Quế chi trị Tâm quý; Sinh Bạch truật trị nước rã (Tạp chí Trung y Liêu ninh 1986, 8 -42).

- Trị chứng huyễn vựng nội nhĩ (Hội chứng Ménière): Bành Liên Chương dùng Bạch truật (mạch sao), Trạch tả, sao Ý dĩ mỗi thứ 30g, sắc nước uống, mỗi ngày một thang chia 3 lần, phòng trị chứng huyễn vựng nội nhĩ đạt kết quả tốt (Tạp chí Trung y Hồ bắc 1983, 4-20).

- Trị đau lưng đùi mạn tính: dùng Bạch truật 30g, Chích Sơn giáp 6g, gia rượu trắng 20 đến 30 độ 100ml (đủ lượng làm ngập thuốc), đun sôi, xông nhỏ lửa độ 30 phút, đổ nước ra còn xác sắc lần hai, nước thuốc 2 lần trộn chung chia 2 lần, uống sáng và chiều, uống liền 2 đến 3 ngày. Đã trị 24 ca, kết quả đều tốt (Báo Trung cấp y 1982, 6 -57).

- Trị táo bón: Ngụy Long Tường dùng Bạch truật sống 40g, 80g đến 160g, 200g. Nếu phân khô gia Sinh địa có khi ít gia Thăng ma để thăng thanh giáng trọc, nếu đại tiện khó mà phân mềm, rêu lưỡi đen xạm mà hoạt, mạch tế nhược gia Nhục quế, Phụ tử, Hậu phát, Can khương để ôn hóa (Báo Tân y dược học tạp chí 1978,4:9). Phạm hóa Quang dùng Sinh Bạch truật 60g, Sinh địa 30g, Thăng ma 3g, ngày 1 thang sắc uống, thường dùng 1 đến 4 thang. Trị 50 ca phụ nữ táo bón sau phẫu thuật, kết quả tốt (Tân Y dược học tạp chí 1979, 6-27).

- Dùng làm thuốc an thai: chữa phụ nữ có thai, huyết hư thai động dùng bài Đương qui tán: Bạch truật 12g, Đương qui 12g, Bạch thược 12g, Hoàng cầm 12g, Xuyên khung 8g, sắc uống. Liều 2 đến 4 thang, mỗi ngày 1 thang.

- Trị đau nhức khớp do phong thấp: dùng Bạch truật kết hợp Uy linh tiên, Phòng kỷ, Tang chi có tác dụng kiện tỳ trừ thấp chỉ thống.

Liều thường dùng: 5 đến 15g, để thông tiện dùng 60 đến 120g.

Trường hợp táo thấp lợi thủy thì dùng sống, nếu dùng bỏ khí kiện tỳ chỉ hãn an thai thì dùng sao.

Phòng phong có tác dụng giải biểu, trừ phong thấp. Kết hợp với Hoàng kỳ tăng cường ích khí, chắc phần biểu để chống đỡ phong tà.

Theo y học cổ truyền: ngọt cay tính ấm, thuốc có tác dụng tán hàn giải biểu, trừ phong thấp, giải kinh phong

Nghiên cứu dược hiện đại:

- Nước sắc Phòng phong có tác dụng ức chế 1 số virus cúm (H1N1, H5N1...), 1 số vi khuẩn (*shigella* spp, *staphylococcus aureus*) (Trung Dược Học)
- Làm ra mồ hôi, hạ nhiệt (Trung Xuyên Công Hải, trong “Trung Hoa dân quốc Y học Hội” năm 1942)

Phục thần có vị ngọt nhạt, tính bình, không độc, có tác dụng dưỡng tâm bổ phế, tỳ, bổ thận, lợi tiểu, trị thủy thũng. Định tâm an thần trị mất ngủ, ngủ không sâu giấc, dưỡng thần.

Trong y học cổ truyền, phục thần (phục thần, là phục linh ôm rễ thông ở giữa) dường như là một lựa chọn cho bài thuốc cần cho việc an thần (yên thần phách, chữa sợ hãi, mất ngủ), nâng cao sức khỏe của người bệnh. Phục thần có tác dụng tăng cường miễn dịch dịch thể. Đây là vị thuốc quý hiếm được coi thần dược. Hiện nay, Y học Trung Quốc phối hợp sử dụng rộng rãi để điều trị ung thư.

Viễn chí có tác dụng bổ tâm, an thần, hóa đàm

Trong y học cổ truyền, Viễn chí có vị hắc, đắng, the, tính hơi ấm có tác dụng an thần, ích trí, khu đàm, chỉ khí, ích tinh, hoạt huyết, tán ứ, tiêu thũng, giải độc.

Nghiên cứu dược về tác dụng của viễn chí:

- Tác dụng giảm ho: Trên mô hình thực nghiệm gây ho cho chuột nhắt trắng bằng cách phun xông Amoniac, liều 0,75g/kg viễn chí cho uống dưới dạng cao, có tác dụng giảm ho rõ rệt.
- Tác dụng long đờm: Thí nghiệm trên thỏ, viễn chí có tác dụng làm tăng dịch tiết khí phế quản làm giảm ho, loãng đờm.
- Tác dụng giảm đau: Trên mô hình gây đau biểu hiện bằng các phản ứng xoắn mình khi tiêm trong mang bằng dung dịch axit axetic, viễn chí liều uống 0,8g/kg có tác dụng giảm đau rõ rệt ở chuột nhắt trắng.
- Tác dụng trên thời gian ngủ: Viễn chí có tác dụng hiệp đồng, làm kéo dài thời gian ngủ do thuốc ngủ barbituric ở chuột nhắt trắng.
- Tác dụng trên hệ thần kinh trung ương: Viễn chí có tác dụng ức chế có mức độ hệ thần kinh trung ương, nhưng không thấy có tác dụng đối kháng với liều gây co giật do cafein gây nên ở chuột nhắt trắng.

- Tác dụng trên tử cung: Thử tác dụng của cao lỏng Viễn chí trên tử cung thỏ, mèo và chuột thấy có tác dụng kích thích co bóp tử cung ở cả con vật có thai và không có thai.

- Tác dụng kháng khuẩn: Cao mềm viễn chí có tác dụng kháng khuẩn, ức chế sự phát triển của các vi khuẩn *Staphylococcus aureus*, *Bacillus subtilis*.

- Tác dụng tán huyết: Dịch chiết 5% của rễ và bộ phận trên mặt đất cây ra hoa có tác dụng tán huyết.

- Thực tế lâm sàng, Viễn chí được dùng chữa ho, loãng đờm, viêm phế quản, sung đau cổ họng, hay quên, giảm trí nhớ, liệt dương, yếu sức, mộng tinh, bổ cho nam giới và người già, thuốc làm sáng mắt, thính tai do tác dụng trên thận. Còn chữa đau tức ngực, lao, ngủ kém, suy nhược thần kinh, ác mộng.

Mộc hương có tác dụng kiện tỳ hòa vị, điều khí chỉ thống

Theo y học cổ truyền: Mộc hương kiện tỳ hòa vị, điều khí chỉ thống.

Ứng dụng trong y học cổ truyền: Kích thích tiêu hóa giúp ăn ngon miệng, chữa đờm, lợi tiểu, chữa ho, bạch đới (Mộc hương tính nó chuyên thông Phế khí, đờm nghẽn ở ngực, trích “Trung Quốc Dược Học Đại Từ Điển”).

Ông Chu Đan Khê nói rằng Mộc hương có tính cách hành Can khí. Vì vị của nó đắng nên dễ vào tâm, nhờ vị cay nên dễ vào Phế, làm cho Tâm Phế điều hòa, ức chế được hỏa của Can, cho nên không lo hỏa bốc lên chứ không phải là Can khí tự hành vậy (Trung Quốc Dược Học Đại Từ Điển).

Khí vị của Mộc hương đều đậm, có thể tuyên thông và sơ tán được những gì ngưng tụ và trở trệ ở thượng tiêu và hạ tiêu. Trong bài thuốc có Mộc hương, khi sắc lên mùi thơm bay khắp nhà. Công dụng của Mộc hương trị về khí, có thể thăng hoặc giáng. Nếu dùng vào thuốc bổ dưỡng thì có tác dụng sơ thông được khí để tránh không cho chất béo nhờn ngưng trệ, sít lại khiến cho thuốc không có tác dụng tốt. Vì vậy, trong bài Quy Tỳ Thang có vị Mộc hương. Nếu dùng vào thuốc khổ hàn thì Mộc hương có thể điều hòa, thông sướng được khí cơ, vì vậy, bài Hương Liên Hoàn dùng vị Mộc hương là theo ý đó (Đông Dược Học Thiết Yếu).

Đương quy có vị ngọt, cay, tính ấm, có tác dụng bổ huyết dưỡng huyết, điều huyết thông kinh, nhuận táo hoạt trường.

Theo y học cổ truyền: Đương quy chủ trị chứng huyết hư trường táo kèm trị khái suyễn.

Theo nghiên cứu dược lý hiện đại:

- Tác dụng đối với tử cung: Còn chiết xuất từ đương quy có tác dụng hưng phấn đối với tử cung cô lập. Còn tinh dầu đương quy có tác dụng ức chế tử cung. Nếu sử dụng lúc áp lực tử cung cao thì nhận thấy thuốc làm tăng hoạt động co bóp của cơ quan này.

Ngoài ra, đương quy còn có khả năng tổng hợp protid khiến tử cung dày lên.

- Tác dụng đối với huyết học: Dịch ngâm tử đương quy làm tăng hồng cầu và huyết sắc tố đối với chuột nhắt. Tác dụng này được cho là có mối quan hệ mật thiết với hàm lượng axit folic và vitamin B12 có trong dược liệu.

- Tác dụng chống viêm: Nước từ dịch chiết làm giảm tính thấm thấu của huyết quản nhằm ức chế các chất gây viêm do tiểu cầu 5TH sản sinh.

- Tác dụng tăng miễn dịch: Đương quy có khả năng cải thiện hoạt động của hệ miễn dịch của cơ thể. Dược liệu này làm tăng khả năng thực bào của đại thực bào, tăng cường chuyển dạng lympho bào. Tuy nhiên một số nghiên cứu lại cho thấy đương quy có khả năng ức chế miễn dịch.

- Tác dụng lợi tiểu: Đường mía trong đương quy có khả năng tăng hưng phấn đối với bàng quang và cơ trơn ruột non.

- Làm giãn động mạch vành nhằm tăng lưu lượng máu, giảm tiêu hao lượng oxy của cơ tim, chống hình thành cục máu đông nhờ vào hoạt động giảm ngưng tập tiểu cầu, hạ lipit huyết và giảm rối loạn nhịp tim. Tinh dầu có khả năng tăng huyết áp, tuy nhiên các chất hòa tan trong nước lại có tác dụng hạ huyết áp.

- Phòng ngừa glycoprotein trong gan giảm thấp, đồng thời giúp bảo vệ cơ quan này.

- Làm giãn cơ trơn phế quản và làm giảm cơn hen suyễn (bình suyễn)

- Tác dụng nhuận tràng, thông tiện.

- Tác dụng kháng khuẩn: Nước sắc có khả năng ức chế trực khuẩn thương hàn, phẩy khuẩn tả, liên cầu khuẩn tán huyết, trực khuẩn phó thương hàn, trực khuẩn coli, lỵ, trực khuẩn bạch hầu. Tinh dầu có tác dụng ức chế trực khuẩn coli, trực khuẩn mủ xanh, tụ cầu khuẩn vàng, trực khuẩn lỵ Flexner...

Kê huyết đằng dây

Theo y học cổ truyền: Kê huyết đằng vị đắng hơi ngọt, tính bình (Quảng Tây Bản Thảo Kiểm Biên), tác dụng khử phong, thông kinh lạc, bổ huyết hành huyết, khỏe gân cốt (Trung Quốc Dược học Đại Từ Điển)

- Ứng dụng trong y học cổ truyền: hoạt huyết thư cân, thông lạc chữa các chứng ứ huyết, chứng phong tê thấp, bổ huyết trị huyết hư thiếu máu

- Vị thuốc này là một trong các vị thuốc thuộc loài dây (đăng), sức hành huyết mạnh hơn bổ huyết. Khi chặt đứt đoạn dây, nước cốt chảy ra đỏ như máu, lấy nước đó nấu thành cao gọi là Kê Huyết Đằng Giao, sức bổ huyết mạnh hơn hoạt huyết. Kê huyết đằng có thể hoạt huyết thông lạc, đi thẳng đến kinh lạc, bổ huyết bất tức trong kinh lạc (Đông Dược Học Thiết Yếu)

Theo Nghiên cứu dược lý hiện đại:

- Tác dụng lên hệ tim mạch: Nước sắc của vị thuốc có khả năng làm hạ huyết khi sử dụng trên cơ thể của chó và thỏ bị gây tê khi tác động, gây co mạch trong tĩnh mạch ở tai thỏ. Ngoài ra nước sắc được liệu còn có khả năng ức chế tim ếch.

- Tác dụng kháng viêm: Cho ra kết quả tốt khi sử dụng cồn thuốc được chiết xuất từ vị thuốc Kê Huyết Đằng trên cơ thể của chuột. Cụ thể là làm giảm tình trạng viêm khớp hình thành bởi Formadehyde.

- Tác dụng trên sự chuyển hóa Phosphate: Thí nghiệm sử dụng được liệu trên cơ thể của chuột nhắt đã được thực hiện. Kết quả cho thấy có sự tăng chuyển hóa Phosphate trong tử cung và trong thận (theo Trung Dược Học).

- Tác dụng lên hệ thần kinh trung ương: Khi tiêm thuốc vào màng bụng của chuột, các nhà thí nghiệm nhận thấy có tác dụng an thần và giảm đau

Riboflavin là một dạng Vitamin B2 có các tác dụng như sau:

- Xúc tác cho quá trình chuyển vị hydro trong quá trình hô hấp của mô
- Rất cần thiết cho quá trình chuyển hóa năng lượng trong cơ thể.
- Giúp hấp thụ vitamin và khoáng chất khác vào cơ thể như B3, B6, axit folic, rất quan trọng trong việc phòng chống thiếu máu do thiếu sắt.
- Rất cần thiết cho da, móng tay, tóc, môi, lưỡi và thị giác.
- Giúp hình thành các tế bào hồng cầu và kháng thể, giúp giải phóng năng lượng từ

- Có tác dụng như một chất chống oxy hóa để loại bỏ các gốc tự do từ các tế bào

Ngoài ra còn có những tác dụng như:

- Được sử dụng trong nhiều trường hợp lâm sàng và điều trị
- Riboflavin liều cao sẽ rất hữu ích trong việc chống lại chứng đau nửa đầu.
- Riboflavin cũng được sử dụng như thuốc giảm đau cơ.
- Điều trị bằng riboflavin và tia cực tím ánh sáng làm bất hoạt các mầm bệnh trong hồng cầu, huyết tương

Nicotinamit là 1 dẫn xuất của vitamin B3, cần thiết trong quá trình hô hấp tế bào, giữ ẩm da, đảm bảo hệ tiêu hóa và thần kinh hoạt động bình thường. Trong cơ thể, Nicotinamit cần thiết cho quá trình hô hấp tế bào, giải phóng năng lượng. Nicotinamit có tác dụng tăng cường sức đề kháng cho da, giúp giữ ẩm, khiến da khỏe hơn. Một nghiên cứu chỉ ra rằng, nó còn có tác dụng ngăn ngừa ung thư da. Nicotinamit có thể giúp điều trị bệnh tiểu đường tuýp 1, bệnh tâm thần phân liệt. Với trẻ nhỏ, Nicotinamit tốt cho hệ tiêu hóa và thần kinh trung ương. Nó đảm bảo các bộ phận này không bị ảnh hưởng chức năng (rối loạn, làm chậm) do thiếu hụt niacin. Với phụ nữ mang thai, việc

thiếu hụt Nicotinamit rất hiếm khi xảy ra, được bổ sung trong thuốc bổ ngăn thiếu hụt các Vitamin nhóm B cho thai phụ.

Thiamin nitrat là một dạng vitamin B1, được dùng trong điều trị, kiểm soát, phòng chống và cải thiện những bệnh, hội chứng và triệu chứng bệnh tim mạch, rối loạn tâm thần.

Pyridoxin hydroclorua là một dạng vitamin B6 tan trong nước được sử dụng trong điều trị dự phòng và điều trị thiếu vitamin B6 và bệnh lý thần kinh ngoại biên ở những người nhận isoniazid (isonicotinic axit hydrazid, INH). Vitamin B6 đã được tìm thấy để giảm huyết áp tâm thu và tâm trương ở một nhóm nhỏ các đối tượng bị tăng huyết áp cần thiết. Tăng huyết áp là một yếu tố nguy cơ khác gây xơ vữa động mạch và bệnh tim mạch vành. Một nghiên cứu khác cho thấy pyridoxin hydroclorua để ức chế sự kết tập tiểu cầu do ADP hoặc epinephrine gây ra và làm giảm mức cholesterol toàn phần và tăng mức HDL-cholesterol, một lần nữa trong một nhóm nhỏ đối tượng.

Ví dụ thực hiện giải pháp hữu ích

Ví dụ 1: cho giải pháp hữu ích thuốc đông y tăng cường miễn dịch theo giải pháp hữu ích dạng thuốc sắc đóng túi.

Thành phần	Khối lượng (g)
Đông trùng hạ thảo (<i>ophiocordyceps sinensis</i>)	16
Hoàng kỳ (<i>astragalus propinquus</i>)	44
Hồng sâm (<i>radix ginseng rubra</i>)	8
Bạch truật (<i>atractylodes macrocephala</i>)	12
Phòng phong (<i>ledebouriella seseloides wolff.</i>)	12
Phục thần (<i>poria cocos</i>)	4
Viễn chí (<i>polygala tenuifolia willd</i>)	4
Mộc hương (<i>saussurea lappa clarke</i>)	8
Đương quy (<i>angelica sinensis</i>)	5
Kê huyết đằng (<i>millettia reticulata</i>)	7
Riboflavin	0,8
Nicotinamit	2
Thiamin nitrat	0,32
Pyridoxin hydroclorua	0,32

Thành phần trên cho vào đun cùng với 15 lít nước, sau khi sôi nước đun nhỏ lửa trong 2 đến 3h, đến khi nước thuốc cô lại còn 3000ml, chia ra thành 20 túi, mỗi túi 150ml, nilon vô khuẩn, ép vỏ, để nguội rồi cho vào tủ lạnh bảo quản. Thuốc sắc đóng túi bảo quản trong tủ lạnh được 15 đến 20 ngày.

Liều dùng: mỗi ngày uống 2 túi, làm nóng trước khi uống, uống trước bữa ăn 20 phút.

Sau khi sử dụng thuốc: bệnh nhân sẽ thấy cơ thể nhẹ nhõm, sáng khoái, thanh thoát; với bệnh nhân có bệnh hô hấp mạn tính (viêm xoang, viêm mũi) thấy dễ thở hơn.

Ví dụ 2: cho giải pháp hữu ích thuốc đông y tăng cường miễn dịch theo giải pháp hữu ích dạng viên hoàn.

Thành phần	Khối lượng (g)
Đông trùng hạ thảo (<i>ophiocordyceps sinensis</i>)	16
Hoàng kỳ (<i>astragalus propinquus</i>)	44
Hồng sâm (<i>radix ginseng rubra</i>)	8
Bạch truật (<i>atractylodes macrocephala</i>)	12
Phòng phong (<i>ledebouriella seseloides wolff.</i>)	12
Phục thần (<i>poria cocos</i>)	4
Mộc hương (<i>saussurea lappa clarke</i>)	8
Đương quy (<i>angelica sinensis</i>)	5
Kê huyết đằng (<i>millettia reticulata</i>)	7

10 thang thuốc với thành phần như trên, nghiền thành bột mịn rồi cho vào máy hoàn viên, sau đó sấy khô và chia vào các túi (10 túi) nylon vô khuẩn, ép vỏ.

Sau khi hoàn viên, sấy khô, có thể sử dụng trực tiếp.

Liều dùng: mỗi ngày uống 1 túi, chia 2 lần, uống trước bữa ăn 20 phút.

Ví dụ 3: Thử nghiệm sản phẩm theo giải pháp hữu ích cho bệnh nhân có tim mạch, huyết áp, trong vòng 10 ngày.

Thành phần	Khối lượng (mg)
Đông trùng hạ thảo (<i>ophiocordyceps sinensis</i>)	400
Hoàng kỳ (<i>astragalus propinquus</i>)	1100
Hồng sâm (<i>radix ginseng rubra</i>)	200
Bạch truật (<i>atractylodes macrocephala</i>)	300
Phòng phong (<i>ledebouriella seseloides wolff.</i>)	300
Phục thần (<i>poria cocos</i>)	100
Mộc hương (<i>saussurea lappa clarke</i>)	200
Đương quy (<i>angelica sinensis</i>)	125
Kê huyết đằng (<i>millettia reticulata</i>)	175

Kết quả thu được như sau: Bệnh nhân thấy cơ thể nhẹ nhõm, sáng khoái, giảm cảm giác mệt mỏi căng thẳng; ngủ sâu giấc hơn, ăn uống tốt hơn, tiêu hóa tốt hơn.

Hiệu quả đạt được của giải pháp hữu ích

Bài thuốc là sự phối hợp chặt chẽ của các vị thuốc để trong thì bổ khí, dưỡng huyết tăng cường chính khí, sức đề kháng, tăng cường miễn dịch, ngoài thì cố biểu, giữ gìn da lông ngăn không cho ngoại tà lục đâm xâm phạm. Phương thuốc theo giải pháp

hữu ích phù hợp để sử dụng trong thời kì này, khi mà thời khí biến chuyển lăm trái thường, nắng mưa bất hoà, phong tà nhiều động. Con người hiện đại lại học tập, lao động, lao lực quá độ, ăn uống thất điều, không giữ gìn nổi “bế tâm dưỡng khí tồn thân, thanh tâm quả dục thủ chân luyện hình”, khiến cho sức chống đỡ bệnh tật suy yếu, trẻ em người già cũng vì vậy mà sức đề kháng yếu đuối lại càng sơ hở hơn.

Bài thuốc thúc đẩy sự hoạt động của hệ miễn dịch, giảm nguy cơ mắc các bệnh đường hô hấp cấp tính do virus, vi khuẩn gây ra. Tác dụng này bắt đầu có được ngay sau khi uống, đạt hiệu quả tốt khi uống được 1 đến 2 tháng. Có thể uống nhắc lại 1 đến 2 đợt/ năm để duy trì tác dụng của thuốc, hoặc trước khi vào mùa dịch bệnh. Trong bài thuốc có Hoàng kỳ, Đông trùng hạ thảo, hai vị thuốc có tác dụng như van điều hòa hệ miễn dịch, sẽ điều tiết để hệ miễn dịch không hoạt động quá mức. Với người có hệ miễn dịch không suy kém, thì sau 2 đến 4 tuần sử dụng thuốc đã có thể đạt được tác dụng tăng cường hoạt động của hệ miễn.

Giải pháp hữu ích còn có có tác dụng phục hồi hệ miễn dịch đang suy giảm, ngăn ngừa sự tái phát của các bệnh hô hấp mãn tính liên quan suy giảm miễn dịch (viêm xoang, viêm mũi dị ứng, viêm phế quản), làm giảm sự căng thẳng, có tác dụng làm đẹp da, cải thiện sinh lý.

Thuốc theo giải pháp hữu ích ở dạng thuốc sắc đóng túi, viên hoàn được dùng để dự phòng, nâng cao thể trạng, tăng sức đề kháng cho người dùng có các tình trạng sức khỏe khác nhau, trong đó có các bệnh lý nền như tim mạch, huyết áp, bệnh hệ hô hấp (viêm phế quản, viêm mũi họng, viêm đa xoang) ... Thời gian thử nghiệm được thực hiện trong thời gian 1 tháng trong đó sử dụng thuốc từ 7 đến 10 ngày. Sau khi sử dụng, bệnh nhân thấy cơ thể nhẹ nhõm, sáng khoái. Với bệnh nhân có bệnh hô hấp mạn tính (viêm xoang, viêm mũi) thấy dễ thở hơn; giảm cảm giác mệt mỏi căng thẳng; ngủ sâu giấc hơn, ăn uống tốt hơn, tiêu hóa tốt hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Tất Lợi – NXB Y học 2003, tr882
2. Trích Bản Thảo Cương Mục Thập Di 1765
3. Tài liệu “Đông trùng Hạ thảo”, trang 25-27, GS. TSKH. Đái Duy Ban chủ biên và TS. Lưu Tham Mưu, NXB Y Học-2009
4. Theo Sở dược thuộc Viện nghiên cứu y học Bắc kinh
5. Theo Lý Thừa Cổ Sinh dược học 1952
6. Trung Dược Học.
7. Chinese Herbal Medicine.
8. Vương Đức Khiêm – Trung Thảo Dược 1989, 20 5: 198.
9. Lưu Thiên Bồi – Gian Tô y Dược 1978, 2: 32.

10. Subarnas Anas và cộng sự Planta Med, 1991, 57 6: 590.
11. Tác dụng Hạ Áp Và Lợi Niệu Của Hoàng Kỳ, Dược Học Học Báo 12 5, 319-324, 1965.
12. Trung Dược ứng Dụng Lâm Sàng.
13. Trích Luận Văn Hội Nghị Khoa Học Sinh Lý Trung Quốc, trang 135,1964.
14. Trích Luận Văn Báo Cáo Tại Hội Nghị Khoa Học Sinh Lý Toàn Quốc Trung Quốc Lần Thứ 2, trang 13,1963.
15. Trung Quốc Tạp Chí 1947, 67: 648-656.
16. Trích Luận Văn Báo Cáo Tại Hội Nghị Học Thuật Của Hội Dược Học Trung Quốc 1963, trang 332-333.
17. Trung Y Tạp Chí 1980, 1: 7 1,
18. Giang Tô Trung Y Tạp Chí 1988, 9- 32.
19. Nam Kinh Y Học Viện Học Báo 1988, 3: 246.
20. Trung Hoa Nhi Khoa Tạp Chí 1978, 2: 87.
21. Trung Thảo Dược 1980, 12: 551.
22. Đỗ Tất Lợi – NXB Y học 2003, tr804
23. Nội dung được tổng hợp từ các tài liệu nghiên cứu về Hồng Sâm được đăng tải trên Thư Viện Y Khoa Quốc Gia Hoa Kỳ
24. Đỗ Tất Lợi – NXB Y học 2003, tr391; Dược học cổ truyền- NXB Y học, Bộ Y tế 2009, tr 228:
25. Học báo sinh lý 19-1,24:227-237,
26. Học báo Dược học 1963, 104-199.
27. Tạp chí Trung y Sơn đông 1982, 2-107.
28. Học báo Trung y học viện An huy 1984,2:25.
29. Văn tế bang giới thiệu kinh nghiệm chữa nước rã trẻ em, Báo Trung y Giang tô 1966,12:1,
30. Tạp chí Trung y Liêu ninh 1986, 8 -42.
31. Tạp chí Trung y Hồ bắc 1983, 4-20.
32. Báo Trung cấp y 1982, 6 -57.
33. Báo Tân y dược học tạp chí 1978,4:9.
34. Tân Y dược học tạp chí 1979, 6- 27.

35. Đỗ Tất Lợi – nxb Y học 2003, tr666; Dược học cổ truyền- NXB Y học 2009, tr 52
36. Trung Xuyên Công Hải, trong “Trung Hoa dân quốc Y học Hội” năm 1942
37. Đỗ Tất Lợi – NXB Y học 2003, tr222; Dược học cổ truyền - NXB Y học, tr 121:
38. Đỗ Tất Lợi – NXB Y học 2003, tr. 730; Dược học cổ truyền- NXB Y học, tr 192; Bách khoa Y học 2010:
39. Đỗ Tất Lợi – NXB Y học 2003, tr. 396; Dược học cổ truyền- NXB Y học, Bộ Y tế 2009, tr 91:
40. Đỗ Tất Lợi – NXB Y học 2003, tr. 55; Dược học cổ truyền- NXB Y học, Bộ Y tế 2009 tr 237; Trần Văn Kỳ 2005, trang 761-762- Dược học cổ truyền, Nhà xuất bản Y học, Tp. Hồ Chí Minh:
41. Đỗ Tất Lợi – NXB Y học 2003, tr. 890; Dược học cổ truyền - NXB Y học, Bộ Y tế 2009- tr. 103; Bách khoa Y học 2010
42. Quảng Tây Bản Thảo Kiểm Biên,
43. Trung Quốc Dược học Đại Từ Điển
44. Thiên gia diệu phương, Q. Thượng.
45. Trung y tạp chí 1 1982.
46. Liêu Ninh - Trung y tạp chí 5 1983.
47. Thượng Hải - Trung y dược tạp chí 11 1964.
48. Thượng Hải - Trung y dược tạp chí 11 1964.
49. Bắc Kinh – Trung y Học viện học báo 3 1978.
50. Hồ Bắc – Trung y dược tạp chí 6 1989.
51. Hồ Bắc - Trung y dược tạp chí 3 1987.
52. Thiểm Tây - Trung y dược tạp chí 3 1989.
53. Hồ Bắc - Trung y dược tạp chí 4 1987.
54. Trung - Tây kết hợp tạp chí 6 1983.
55. Đề tài nghiên cứu khoa học “Tác dụng của bài thuốc Quy tỳ thang trong điều trị chứng hư lao thể tâm tỳ hư” tại bệnh viện Đa khoa Y HỌC CỔ TRUYỀN Hà Nội từ tháng 9/2009 – 4/ 2010.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Thuốc tăng cường tác dụng của hệ miễn dịch cơ thể làm giảm nguy cơ mắc các bệnh đường hô hấp cấp do virus, vi khuẩn gây ra, trong đó thuốc này có thành phần dưới đây theo tỷ lệ khối lượng:

thành phần	% khối lượng
đông trùng hạ thảo (<i>ophiocordyceps sinensis</i>)	12,96
hoàng kỳ (<i>astragalus propinquus</i>)	35,64
hồng sâm (<i>radix ginseng rubra</i>)	6,48
bạch truật (<i>atractylodes macrocephala</i>)	9,72
phòng phong (<i>ledebouriella seseloides wolff.</i>)	9,72
phục thần (<i>poria cocos</i>)	3,24
viễn chí (<i>polygala tenuifolia willd</i>)	3,24
mộc hương (<i>saussurea lappa clarke</i>)	6,48
đương quy (<i>angelica sinensis</i>)	4,05
kê huyết đằng (<i>millettia reticulata</i>)	5,67
riboflavin	0,65
nicotinamit	1,62
thiamin nitrat	0,26
pyridoxin hydroclorua	0,26
tổng	100